

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Nghị.

2. Ông Nguyễn Văn Mười.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Thanh C - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Cao Tr - Phó giám đốc Ngân hàng Đ - Chi nhánh B - Phòng giao dịch K - (Có mặt).

Địa chỉ: 105 N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* ***Bị đơn:*** Ông Y Đhing N - vắng mặt, bà H' M - vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2021, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Cao*

T trình bày: Vào ngày 28/11/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã ký với ông Y Đ và bà H' M Niê hợp đồng tín dụng số 03/2017/5523110/HĐTD. Theo đó, ông Y Đ và bà H' M Niê vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm, mục đích vay về để mua 4.635 m² đất trồng cây lâu năm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã giải ngân đủ số tiền vay 390.000.000 đồng cho ông Y Đ và bà H' M vào ngày 28/11/2017. Ông Y Đ và bà H' M đã trả được 150.000.000 đồng tiền gốc cùng 65.788.256 đồng tiền lãi, khoản vay này đã quá hạn từ ngày 27/8/2019 đến nay.

Đến ngày 28/12/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã ký với ông Y Đ và bà H' M hợp đồng tín dụng số 02/2018/5523110/HĐTD. Theo đó, ông Y Đ và bà H' M vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cho vay 10,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm, mục đích vay về để đầu tư, chăm sóc 5,2 ha cà phê. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã giải ngân đủ số tiền vay 170.000.000 đồng cho ông Y Đ và bà H' M vào ngày 28/12/2018. Ông Y Đ và bà H' M đã trả được 140.050.000 đồng tiền gốc cùng 6.837.430 đồng tiền lãi, khoản vay này quá hạn từ ngày 25/6/2019 đến nay.

Để đảm bảo cho các khoản vay ông Y Đ và bà H' M đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ diện tích đất 13.040 m² cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại Xã E, huyện K, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 486738 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/5/2006 cho hộ ông Y B, đã được đăng ký biến động cho hộ bà H' M vào ngày 01/7/2013. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 01/7/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/5523110/SĐBS ngày 28/11/2017 giữa ông Y Đ và bà H' M với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Y Đ và bà H' M phải trả nợ nhưng ông Y Đ và bà H' Moan N không trả được nợ. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông Y Đ và bà H' M phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

Buộc ông Y Đ và bà H' M phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm tính đến ngày 07/9/2021 là 381.163.306 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm lẻ sáu nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc: 269.950.000 đồng, lãi phát sinh trong hạn 78.828.238 đồng, lãi phát sinh quá hạn 25.881.819 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 6.503.249 đồng.

Buộc ông Y Đ và bà H' M phải thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn và các khoản phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Y Đ và bà H' M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và các quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- *Bị đơn bà H' M trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bà H' M công nhận vào ngày 28/11/2017 bà có ký hợp đồng tín dụng số 03/2017/5523110/HĐTD để vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm, mục đích vay về để mua 4.635 m² đất trồng cây lâu năm. Đối với khoản vay này, bà H' Moan Niê đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 150.000.000 đồng cùng 65.788.256 đồng tiền lãi, khoản vay này đã quá hạn từ ngày 27/8/2019 đến nay. Số tiền gốc còn nợ lại của Ngân hàng đối với hợp đồng này là 240.000.000 đồng.

Bà H Moan N công nhận vào ngày 28/12/2018 bà có ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cho vay 10,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm, mục đích vay về để đầu tư, chăm sóc 5,2 ha cà phê. Đối với khoản vay này, bà H' M đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 140.050.000 đồng tiền gốc cùng 6.837.430 đồng tiền lãi, khoản vay này quá hạn từ ngày 25/6/2019 đến nay. Số tiền gốc còn nợ lại của Ngân hàng đối với hợp đồng này là 29.950.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay ông Y Đ và bà H' M đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ diện tích đất 13.040 m² cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại Xã E, huyện K, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 486738 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/5/2006 cho hộ ông Y B, đã được đăng ký biến động cho hộ bà H' M vào ngày 01/7/2013. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 01/7/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/5523110/SĐBS ngày 28/11/2017 giữa ông Y Đ và bà H' M với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Bà H' M đồng ý trả số nợ gốc 269.950.000 đồng cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Bà H' M xác định trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là của một mình bà. Đến hạn trả nợ, bà H M không có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Nay bà H M đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cho bà thêm thời gian để bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và thực hiện các thủ tục khác nếu có.

- *Bị đơn ông Y Đ trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Ông có giấy ủy quyền cho bà H' M thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng, có ký đơn yêu cầu thế chấp quyền sử dụng đất, giấy đề nghị vay vốn cùng các văn bản khác liên quan có chữ ký, chữ viết của ông như Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cung cấp. Tuy nhiên, ông Y Đ xác định khi ký ông không đọc các nội dung của văn bản có liên quan. Ông Y Đ chỉ ký các văn bản ông không biết gì nên ông Y Đ không có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà H' M. Ông Y Đ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Cao T đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Y Đ và bà H' M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho ông Y Đhing Niê và bà H' M về việc làm đơn miễn án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông Y Đ và bà H' M không thực hiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, bị đơn ông Y Đ và bà H' M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Y Đ và bà H' M.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng do các bên đã ký kết với nhau thì đã có căn cứ khẳng định: Vào ngày 28/11/2017, bà H' M có ký hợp đồng tín dụng số 03/2017/5523110/HĐTD để vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi phát sinh cùng các nội dung khác có liên quan, trong đó có mục đích vay về để đầu tư, chăm sóc 5,2 ha cà phê. Bà H' M đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 150.000.000 đồng cùng 65.788.256 đồng tiền lãi phát sinh, khoản vay này đã quá hạn từ ngày 27/8/2019 đến nay. Số tiền gốc còn nợ lại của Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng này là 240.000.000 đồng.

Đến ngày 28/12/2018, bà H' M tiếp tục ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi phát sinh cùng các nội dung khác có liên quan, trong đó có mục đích vay về để đầu tư, chăm sóc 5,2 ha cà phê. Đối với khoản vay này, bà

H' M đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 140.050.000 đồng tiền gốc cùng 6.837.430 đồng tiền lãi, khoản vay này quá hạn từ ngày 25/6/2019 đến nay. Số tiền gốc còn nợ lại của Ngân hàng đối với hợp đồng này là 29.950.000 đồng.

Bà H' M là người trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng và thực hiện các giao dịch khác với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Ông Y Đ có ký văn bản ủy quyền để cho bà H' M thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng, đồng thời ông Y Đ có ký vào các giấy đề nghị vay vốn cũng như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp. Đây là nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, bên cạnh đó mục đích vay vốn tại Ngân hàng về để chăm sóc cả phê nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Y Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cùng với bà H' M là phù hợp với quy định tại Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ đối với số tiền gốc 269.950.000 đồng theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nhưng ông Y Đ, bà H' M không trả gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Ông Y Đ, bà H' M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, buộc ông Y Đ, bà H' M phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/9/2021) gồm: Đối với Hợp đồng tín dụng số 03/2017/5523110/HĐTD ngày 28/11/2017 số tiền gốc 240.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh 95.953.163 đồng và Hợp đồng tín dụng số 02/2018/5523110/HĐTD ngày 28/12/2018 số tiền gốc 29.950.000 đồng, tiền lãi phát sinh 15.260.143 đồng. Tổng cộng là 381.163.306 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm lẻ sáu đồng).

Đồng thời, buộc ông Y Đ, bà H' M còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 08/9/2021 cho đến khi ông Y Đ, bà H' M trả hết số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng số 03/2017/5523110/HĐTD ngày 28/11/2017, hợp đồng tín dụng số 02/2018/5523110/HĐTD ngày 28/12/2018 đã được ký giữa các bên.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 01/7/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/5523110/SĐBS ngày 28/11/2017 xác định được ông Y Đ, bà H' M có thế chấp cho Ngân hàng diện tích đất 13.040 m² và cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 486738 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/5/2006 cho hộ ông Y B, đã được đăng ký biến động cho hộ bà H' M vào ngày 01/7/2013.

Theo nội dung thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản đã ký giữa các bên có thể hiện Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp khi ông Y Đ, bà H' M trong trường hợp vi phạm các thỏa thuận có liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử lý tài sản mà ông Y Đ, bà H' M đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ trong trường hợp ông Y Đ, bà H' M không trả nợ hoặc không trả đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Y Đ, bà H' M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $5\% \times 381.163.306 \text{ đồng} = 19.058.000 \text{ đồng}$ (Mười chín triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Y Đ, bà H' M phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 381.163.306 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm lẻ sáu đồng), trong đó: Hợp đồng tín dụng số 03/2017/5523110/HĐTD ngày 28/11/2017 số tiền gốc 240.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh 95.953.163 đồng và hợp đồng tín dụng số 02/2018/5523110/HĐTD ngày 28/12/2018 số tiền gốc 29.950.000 đồng, tiền lãi phát sinh 15.260.143 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2021) cho đến khi thi hành án xong, ông Y Đ, bà H' M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 03/2017/5523110/HĐTD ngày 28/11/2017, hợp đồng tín dụng số 02/2018/5523110/HĐTD ngày 28/12/2018.

Sau khi ông Y Đ, bà H' M trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Y Đ, bà H' M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 486738 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/5/2006 cho hộ ông Y B, đã được đăng ký biến động cho hộ bà H' M vào ngày 01/7/2013.

Trường hợp ông Y Đ, bà H' M không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Y Đ, bà H' M đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ

ngày 01/7/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/5523110/SĐBS ngày 28/11/2017 đã ký giữa các bên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Y Đ, bà H' M phải chịu 19.058.000 đồng (Mười chín triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 8.540.000 đồng (Tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0015231 ngày 04/02/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng

